

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

Số :27/2021/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 09 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào Điều 397 và Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 85/2021/TLST- HNGĐ ngày 22/6/2021 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Thế C, sinh năm 1975;

Chị Y H, sinh năm 1982;

Cùng trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Trần Thế C và chị Y H thỏa thuận thuận tình ly hôn với lý do vợ chồng chung sống luôn mâu thuẫn, bất hòa, sống chung không có hạnh phúc.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về việc nuôi dưỡng con: Các đương sự có 03 con chung. Các đương sự thỏa thuận giao các con là cháu Trần Y L, sinh ngày 17/9/2005; cháu Trần Y B, sinh ngày 18/11/2009; cháu Trần Thế T, sinh ngày 27/01/2018 cho chị Y H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị Y H không yêu cầu anh Trần Thế C đóng góp tiền nuôi con chung.

Thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của mẹ và con được Tòa chấp nhận.

[3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Về lệ phí: Căn cứ theo Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 và danh mục lệ phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự: Chị Y H nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thế C và chị Y H thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (09/7/2021).

- Về việc nuôi dưỡng con: Giao các con là cháu Trần Y L, sinh ngày 17/9/2005; cháu Trần Y B, sinh ngày 18/11/2009; cháu Trần Thế T, sinh ngày 27/01/2018 cho chị Y H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị Y H không yêu cầu anh Trần Thế C đóng góp tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Về lệ phí: Chị Y H nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Y H được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí sang lệ phí theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2016/0002739 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu
- VKSND; THADS (huyện)
- UBND xã Đ, huyện N, Kon Tum.
(nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

